

Số: **3339/QĐ-NHCS**

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố các thủ tục giải quyết công việc thuộc thẩm quyền
giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội được chuẩn hóa**

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ văn bản số 245/BTP-KSTT ngày 03/02/2015, văn bản số 2901/BTP-KSTT ngày 11/8/2015 của Bộ Tư pháp về thực hiện Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Căn cứ văn bản số 422/NHCS-PC ngày 13/02/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục; rà soát, đánh giá quy định về thủ tục và kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của NHCSXH năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc: Ban Pháp chế, các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính NHCSXH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố các thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH kèm theo Quyết định này, được chuẩn hóa theo Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

1. “Danh mục thủ tục giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội” (chi tiết tại Phần A kèm theo Quyết định này).

2. Nội dung cụ thể TTGQCV thuộc thẩm quyền của NHCSXH:

a) TTGQCV được chuẩn hóa: 80 thủ tục (chi tiết tại Mục 1 Phần B kèm theo Quyết định này).

b) TTGQCV chuẩn hóa tạm thời: 41 thủ tục (chi tiết tại Mục 2 Phần B kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế: Quyết định số 1166/QĐ-NHCS ngày 27/4/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc ban hành Danh mục TTGQCV thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH; Quyết định số: 2266/QĐ-NHCS ngày 14/8/2009, 2782/QĐ-NHCS ngày 30/9/2009, 450/QĐ-NHCS ngày 24/02/2011, 879/QĐ-NHCS ngày 19/4/2011, 1564/QĐ-NHCS ngày 28/6/2011, 1444/QĐ-NHCS ngày 09/5/2013, 4129/QĐ-NHCS ngày 31/12/2013, 346/QĐ-NHCS ngày 23/01/2014, 3410/QĐ-NHCS ngày 10/10/2014, 710/QĐ-NHCS ngày 30/3/2015, 2860/QĐ-NHCS ngày 13/8/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc công bố TTGQCV thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Ban Pháp chế cập nhật, đăng tải TTGQCV được công bố tại Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính;

2. Ban Hợp tác quốc tế và Truyền thông có trách nhiệm cập nhật và công khai TTGQCV được công bố tại Quyết định này trên trang tin điện tử của NHCSXH;

3. Các đơn vị trong hệ thống NHCSXH nơi trực tiếp giải quyết TTGQCV tổ chức niêm yết công khai và thực hiện các TTGQCV được công bố tại Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

4. Giám đốc các đơn vị thuộc hệ thống NHCSXH và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Tổng Giám đốc (b/cáo);
- Trưởng BKS; các PTGD, KTT;
- Các ban CMNV HSC; TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Hải

**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
ĐƯỢC CHUẨN HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3339/QĐ-NHCS ngày 29/9/2015
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)*

Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
Mục 1
Danh mục thủ tục giải quyết công việc được chuẩn hóa

Số TT	TÊN THỦ TỤC	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I - LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG			
1	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ nghèo.	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)	Chuẩn hóa
2	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ cận nghèo.	Ntr	Ntr
3	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ mới thoát nghèo.	Ntr	Ntr
4	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn đối với hộ nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.	Ntr	Ntr
5	Thủ tục phê duyệt cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.	Ntr	Ntr
6	Thủ tục phê duyệt cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động.	Ntr	Ntr
7	Thủ tục phê duyệt cho vay để ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (Chương trình EPS).	Ntr	Ntr
8	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung.	Ntr	Ntr
9	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đoạn 2012-2015 (theo Quyết định số 54/QĐ-TTg)	Ntr	Ntr
10	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn để chi phí tạo đất sản xuất và chuyển đổi nghề cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015 (theo Quyết định số 755/QĐ-TTg).	Ntr	Ntr
11	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn để chi phí đi xuất khẩu lao động cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015 (theo Quyết định số 755/QĐ-TTg).	Ntr	Ntr

12	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi xuất khẩu lao động cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.	Ntr	Ntr
13	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.	Ntr	Ntr
14	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ để chi phí đi học nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.	Ntr	Ntr
15	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ nghèo.	Ntr	Ntr
16	Thủ tục phê duyệt cho gia hạn nợ đối với các chương trình tín dụng mà người vay là tổ viên Tổ TK&VV.	Ntr	Ntr
17	Thủ tục trả lãi của người vay bằng tiền mặt thông qua Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Ntr	Ntr
18	Thủ tục trả nợ, trả lãi trực tiếp bằng tiền mặt của người vay là tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Ntr	Ntr
19	Thủ tục tiền gửi của tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn: tổ viên gửi tiền thông qua Tổ TK&VV	Ntr	Ntr
20	Thủ tục tiền gửi của tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn: tổ viên gửi, rút tiền gửi trực tiếp.	Ntr	Ntr
21	Thủ tục trả lãi của người vay bằng chuyển khoản thông qua Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Ntr	Ntr
22	Thủ tục trả nợ, trả lãi trực tiếp bằng chuyển khoản của người vay là tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Ntr	Ntr
23	Thủ tục trả nợ gốc của người vay bằng chuyển khoản thông qua Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Ntr	Ntr
24	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua hộ gia đình	Ntr	Ntr
25	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn mồ côi cả cha lẫn mẹ, hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động	Ntr	Ntr
26	Thủ tục phê duyệt cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Ntr	Ntr
27	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn mức vay đến 30 triệu đồng.	Ntr	Ntr
28	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn mức vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng	Ntr	Ntr

29	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay dưới 30 triệu đồng	Ntr	Ntr
30	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn mức cho vay trên 30 triệu	Ntr	Ntr
31	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay đến 30 triệu đồng	Ntr	Ntr
32	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay đến 30 triệu đồng	Ntr	Ntr
33	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng	Ntr	Ntr
34	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với thương nhân là tổ chức kinh tế hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay đến 30 triệu	Ntr	Ntr
35	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với thương nhân là tổ chức kinh tế hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay trên 30 triệu đến 500 triệu đồng	Ntr	Ntr
36	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án đa dạng hoá thu nhập nông thôn tại tỉnh Tuyên Quang (RIDP)	Ntr	Ntr
37	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án toàn dân tham gia quản lý nguồn lực tỉnh Tuyên Quang (IFAD)	Ntr	Ntr
38	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay Dự án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn KFW mức vay dưới 200 triệu đồng	Ntr	Ntr
39	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay Dự án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn KFW mức vay trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	Ntr	Ntr
40	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn mức vay đến 50 triệu đồng	Ntr	Ntr
41	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn mức vay trên 50 triệu đồng.	Ntr	Ntr

DI
NGÀ
HIN
X.
4NG

42	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay không tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	Ntr	Ntr
43	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương (theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg).	Ntr	Ntr
44	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Hộ gia đình, Hộ kinh doanh vay vốn dự án Nippon mức vay đến 50 triệu đồng.	Ntr	Ntr
45	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hộ gia đình và Hộ kinh doanh vay vốn dự án Nippon mức vay trên 50 triệu đồng.	Ntr	Ntr
46	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn dự án Nippon mức vay trên 200 triệu đồng đến 01 tỷ đồng.	Ntr	Ntr
47	Thủ tục giải ngân cho vay chương trình tín dụng học sinh, sinh viên qua thẻ ATM	Ntr	Ntr
48	Thủ tục bảo đảm tiền vay bằng hình thức cầm cố tài sản.	Ntr	Ntr
49	Thủ tục bảo đảm tiền vay thông qua hình thức bảo lãnh bằng cầm cố tài sản của bên thứ 3.	Ntr	Ntr
50	Thủ tục bảo đảm tiền vay bằng hình thức thế chấp tài sản.	Ntr	Ntr
51	Thủ tục bảo đảm tiền vay thông qua hình thức bảo lãnh bằng thế chấp tài sản của bên thứ 3.	Ntr	Ntr
II - LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHÁC			
52	Thủ tục thay đổi người đại diện Hộ gia đình đứng tên vay vốn	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)	Chuẩn hóa
53	Thủ tục cấp bản sao Sổ vay vốn.	Ntr	Ntr
54	Thủ tục ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc (Chương trình EPS).	Ntr	Ntr
55	Thủ tục Gửi tiền tiết kiệm.	Ntr	Ntr
56	Thủ tục Gửi tiền tự nguyện không lấy lãi của khách hàng.	Ntr	Ntr
57	Thủ tục Gửi tiền có trả lãi của cá nhân.	Ntr	Ntr
58	Thủ tục Gửi tiền có trả lãi của tổ chức.	Ntr	Ntr
59	Thủ tục Rút tiền tiết kiệm.	Ntr	Ntr

60	Thủ tục Rút tiền gửi tự nguyện không lấy lãi của khách hàng.	Ntr	Ntr
61	Thủ tục Rút tiền có trả lãi của cá nhân.	Ntr	Ntr
62	Thủ tục Rút tiền có trả lãi của tổ chức.	Ntr	Ntr
63	Thủ tục mở tài khoản tiền gửi thanh toán: Khách hàng là cá nhân	Ntr	Ntr
64	Thủ tục mở tài khoản tiền gửi thanh toán: Khách hàng là tổ chức	Ntr	Ntr
65	Thủ tục mở tài khoản tiền gửi thanh toán chung: Khách hàng đồng chủ sở hữu.	Ntr	Ntr
66	Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân.	Ntr	Ntr
67	Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là tổ chức kinh tế.	Ntr	Ntr
68	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân	NHCSXH (Hội sở chính)	Ntr
69	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là tổ chức kinh tế	Ntr	Ntr
70	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân.	Ntr	Ntr
71	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là tổ chức kinh tế.	Ntr	Ntr
72	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân: chết hoặc bị coi là chết.	Ntr	Ntr
73	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân mất tích hoặc bị coi là mất tích	Ntr	Ntr
74	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự.	Ntr	Ntr
75	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân ốm đau thường xuyên.	Ntr	Ntr
76	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân mắc bệnh tâm thần.	Ntr	Ntr

77	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa	Ntr	Ntr
78	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp khoanh nợ bổ sung) vẫn không có khả năng trả nợ	Ntr	Ntr
79	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế vay vốn bị phá sản, giải thể.	Ntr	Ntr
80	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân: người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình đi lao động ở nước ngoài.	Ntr	Ntr

Phần A

Mục 2

Danh mục thủ tục giải quyết công việc chuẩn hóa tạm thời

Số TT	TÊN THỦ TỤC	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I - LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG			
1	Thủ tục phê duyệt cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)	Chuẩn hóa tạm thời
2	Thủ tục cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đối với người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.	Ntr	Ntr
3	Thủ tục giải ngân các chương trình tín dụng bằng tiền mặt.	Ntr	Ntr
4	Thủ tục giải ngân cho vay các chương trình tín dụng bằng chuyển khoản.	Ntr	Ntr
5	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với hộ gia đình vay vốn để tự xây dựng nhà ở.	Ntr	Ntr
6	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với hộ gia đình vay vốn để mua trả chậm nhà ở.	Ntr	Ntr
7	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với Doanh nghiệp xây dựng nhà bán trả chậm cho hộ dân.	Ntr	Ntr
8	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý.	Ntr	Ntr
9	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay đến 100 triệu đồng.	Ntr	Ntr
10	Thủ tục thẩm định, cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Ntr	Ntr
11	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.	Ntr	Ntr
12	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn	Ntr	Ntr

	Thanh niên quản lý.		
13	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay đến 30 triệu đồng	Ntr	Ntr
14	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức cho vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng.	Ntr	Ntr
15	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức cho vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Ntr	Ntr
16	Thủ tục thẩm định phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh từ nguồn vốn do UBND tỉnh quản lý mức cho vay đến 30 triệu đồng.	Ntr	Ntr
17	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do UBND tỉnh quản lý mức cho vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng.	Ntr	Ntr
18	Thủ tục thẩm định cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do UBND tỉnh quản lý mức cho vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Ntr	Ntr
19	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật mức cho vay đến 30 triệu đồng.	Ntr	Ntr
20	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật mức cho vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng.	Ntr	Ntr
21	Thủ tục thẩm định cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật mức cho vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng.	Ntr	Ntr
22	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên) quản lý.	Ntr	Ntr
23	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội (Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu	Ntr	Ntr

	chiến binh, Đoàn thanh niên) quản lý.		
24	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn UBND cấp tỉnh quản lý.	Ntr	Ntr
25	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.	Ntr	Ntr
26	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý.	Ntr	Ntr
27	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý.	Ntr	Ntr
28	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay dưới 100 triệu đồng.	Ntr	Ntr
29	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay dưới 100 triệu đồng.	Ntr	Ntr
30	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động mất việc làm tại các doanh	Ntr	Ntr

	nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.		
31	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay từ 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Ntr	Ntr
32	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam (CWPD) tại các tỉnh Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau.	Ntr	Ntr
II - LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHÁC			
33	Thủ tục thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn.	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)	Chuẩn hóa tạm thời
34	Thủ tục xác nhận Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH.	Ntr	Ntr
35	Thủ tục thanh toán bằng séc chuyển khoản.	Ntr	Ntr
36	Thủ tục thu tiền mặt.	Ntr	Ntr
37	Thủ tục chi tiền mặt.	Ntr	Ntr
38	Thủ tục thanh toán bằng Ủy nhiệm thu.	Ntr	Ntr
39	Thủ tục thanh toán bằng Ủy nhiệm chi.	Ntr	Ntr
40	Thủ tục tuyển dụng cán bộ NHCSXH.	Ntr	Ntr
41	Thủ tục tiếp nhận cán bộ NHCSXH.	Ntr	Ntr

Ghi chú: 41 TTGQCV chuẩn hóa tạm thời sẽ tiếp tục được rà soát, kê khai, chuẩn hóa sau khi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc sửa đổi, bổ sung thay thế các quy định của TTGQCV được ban hành./.